

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HC-ST

Ngày: 25/4/2023

Về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Văn.

Bà Vũ Thị Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ số 69/2023/TLST-HC ngày 07-10-2022, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HC ngày 09-02-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HC ngày 01-3-2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 101/2023/QĐST-HC ngày 31-3-2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 112/TB-TA ngày 11-4-2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH P

Địa chỉ: 35/339 thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Tín, chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Minh N1, sinh năm 1980

Địa chỉ: 80/5A đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng N2, sinh năm 1993

Địa chỉ liên hệ: 20 đường P, Phường 14, quận B, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Tấn T2- Công ty Luật TNHH S thuộc Đoàn luật sư TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 20 đường P, Phường 14, quận B, TP Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ

Địa chỉ: 124 đường Hai Tháng Tư, thị trấn M2, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đức Đ2, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình T2, chức vụ: Phó chủ tịch; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Lê Quốc D, Trưởng phòng lao động thương binh xã hội huyện Đ; có mặt.

2. Ông Hoàng Công H, Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ; có mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng P, Trưởng phòng tư pháp huyện Đ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Anh T3, Phó trưởng phòng kinh tế hạ tầng; có mặt.

5. Ông Dương Văn T4, phó chủ tịch UBND xã P, huyện Đ; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H3, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T5, chức vụ: Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Sỹ B2, chức vụ: Giám đốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đ.

Địa chỉ: Thôn X 2, Xã X, Huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu Hà, chức vụ Phó giám đốc; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Xuân T6, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 141 đường 2 tháng 4, thị trấn M2, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lưu Thị Thuỳ T7, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 57 đường Q, TDP N3, thị trấn M2, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

5. Ông Trần Duy B3, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn H3, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

6. Bà Lưu Thị Thuý T7, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 57 đường Q, TDP N4, thị trấn M2, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-9-2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28-9-2022, ngày 10-10-2022 và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P trình bày:*

Công ty TNHH P (sau đây viết tắt là Công ty P) cho rằng Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện Đ đối với Công ty P có nhiều sai sót, chưa rõ ràng và không phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Chủ tịch UBND huyện Đ đã xử phạt sai chủ thể: Những công trình, tài sản trên đất trong các quyết định hành chính là các tài sản hiện hữu, không phải là tài sản của Công ty P. Công ty P không có hành vi xây dựng, tạo dựng đối với các tài sản này.

Thứ hai: Trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện không đúng: Một trong các căn cứ ban hành quyết định hành chính là Biên bản vi phạm hành chính số 23/BB-VPHC lập ngày 23-8-2022. Theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 thì: Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau đây: thời gian, địa điểm lập biên bản; thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại; biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính; quyền và thời hạn giải trình. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký. Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản. Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt. Tuy nhiên, đến

nay Công ty P chưa bị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nào đến lập biên bản vi phạm hành chính; Công ty P cũng không nắm rõ hết vị trí của các địa điểm được thể hiện bằng tọa độ trong các quyết định để xác định các công trình, tài sản trên đất; không biết ai là người lập biên bản; không ký vào biên bản; không nhận được biên bản vi phạm hành chính, cũng không được giải trình . . . theo quy định về việc lập biên bản như điều luật vừa nêu. Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành các quyết định hành chính khi dựa vào Biên bản vi phạm hành chính để xử phạt Công ty P là không phù hợp quy định pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P.

Do đó, Công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- + Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPHC ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

- + Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Ngày 09-10-2022, Công ty P đã bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy:

- + Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP đề ngày 05-10-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

- + Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP đề ngày 05-10-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Do việc ban hành 04 quyết định hành chính không đúng quy định pháp luật của Chủ tịch UBND huyện Đ đã gây thiệt hại cho Công ty P, làm cho Công ty P phải tốn chi phí để theo đuổi vụ kiện, các chi phí tạm tính đến thời điểm khởi kiện là: Phải cử 01 Phó Giám đốc Công ty chuyên trách tập trung photo tài liệu để cung cấp cho Tòa án, đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án đúng quy định; chi phí thuê tư vấn luật, Luật sư hỗ trợ pháp lý; chi phí đi lại; chi phí lưu trú...với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Vì vậy, ngày 20-10-2022, Công ty P bổ sung nội dung khởi kiện buộc Chủ tịch UBND huyện Đ bồi thường cho Công ty P các khoản chi phí trên với số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:*

1. Xác định hành vi vi phạm hành chính đối với Công ty P:

Việc Công ty P khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy các Quyết định số 1268/QĐ-XPVPHC ngày 30-8-2022 về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Lý do: Công ty P đã có các hành vi vi phạm hành chính sau:

a. Diện tích đất 1.027m² được quy hoạch đất lâm nghiệp (đất rừng phòng

hộ). Công ty P chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không cho phép sử dụng mà đã trồng cây quýt thời gian trồng khoảng 1-3 tháng và một phần trồng cây cà phê (cây cà phê cao 2 mét, đường kính gốc từ 2-8cm). Cụ thể gồm 02 vị trí sau:

- Vị trí 1: Tọa độ trung tâm 588487-1295727 thuộc khoảnh 8, tiểu khu 333A; diện tích 139m² được quy hoạch đất lâm nghiệp theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08-3-2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Vị trí 2: Tọa độ trung tâm 588502-1295651 thuộc khoảnh 8, tiểu khu 333A; diện tích 888m²; được quy hoạch đất lâm nghiệp theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08-3-2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất trên đã được UBND tỉnh giao đất cho Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Đ tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 05-4-2019 về việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao cho Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Đ; Sở Tài nguyên và Môi trường đã thừa ủy quyền của UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 169459 cấp ngày 06-3-2020 cho Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Đ.

Hành vi sử dụng đất tại diện tích 1.027m² của Công ty P là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn. Vi phạm tại khoản 3, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

b. Diện tích 1.547m² thuộc một phần các thửa đất số 24, 26, 142, 30, 33, 25, 03 và phần diện tích đất chưa có số thửa trên bản đồ (giáp thửa 142 có tọa độ trung tâm 588323-1294505) thuộc tờ bản đồ số 339b xã P: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước thẩm quyền cấp và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Công ty P chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn đối với phần diện tích trên. Cụ thể các vị trí, thửa đất sau:

- Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 339b, xã P, diện tích 7.933m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm; được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 676673 ngày 31-7-1996 đứng tên bà Ma C. Hiện trạng tại một phần thửa đất trên Công ty P đã xây dựng công trình nhà vệ sinh (kết cấu: nền xi măng, vách gỗ, mái tôn) với diện tích 36m².

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 339b, xã P, diện tích 8.052m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 045205 ngày 07-5-2012, đứng tên bà Hoàng Thị Kim N5 (bà Nguyễn Thị Xuân T6 nhận chuyển nhượng vào ngày 30-8-2019). Công ty P có hợp đồng thuê đất

với bà Nguyễn Thị Xuân T6 ngày 16-01-2020. Hiện trạng tại một phần thửa đất số 26 có xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ cấp 4 (kết cấu: móng trụ bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, mái che tiền chế) với diện tích 83m² và đã dựng trụ bê tông cốt thép, đặt khung sàn sắt hộp; diện tích đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ 339b, xã P được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 670383 ngày 24-7-2009 đứng tên ông Đoàn Quốc Tấn (bà Nguyễn Thị Xuân T6 nhận chuyển nhượng ngày 24-11-2020) và phần diện tích đất chưa có số thửa trên bản đồ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giáp thửa 142 có tọa độ trung tâm 588323-1294505), tờ bản đồ số 339b, xã P; theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Công ty P có hợp đồng thuê đất với bà Nguyễn Thị Xuân T6 ngày 02-01-2021. Hiện trạng trên đất có xây dựng các công trình gồm quầy bar cafe (kết cấu: nền bê tông xi măng, tường gạch ốp gỗ kết hợp khung thép, tấm Cemboard), nhà gỗ mái lợp tôn, sàn gỗ có tổng diện tích là 475m² (năm ngoài hành lang bảo vệ hồ P).

- Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 339b, xã P (chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Hiện trạng tại một phần thửa đất số 30 có xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ cấp 4 (kết cấu: móng trụ bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, mái che tiền chế) với diện tích 273m².

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 339b, xã P, diện tích 5.823m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 236696 ngày 06-6-2019 đứng tên bà Ngô Thị Anh T8 (bà Ngô Thị Anh T8 đã hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cho bà Lưu Thị Thuỳ T7 vào ngày 15-05-2021). Hiện trạng trên đất Công ty P có xây dựng công trình: kho tiền chế (kết cấu: khung thép hình, mái lợp tôn) với diện tích 387m².

- Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 339b, xã P (chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Hiện trạng Công ty P có xây dựng công trình lều trại (kết cấu: trụ bê tông cốt thép kết hợp khung sắt, sàn gỗ) với diện tích 31m² (trong đó có 15m² nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ P).

- Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 339b, xã P (chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Hiện trạng Công ty P có xây dựng công trình chòi (kết cấu: khung móng trụ bê tông cốt thép, mái ngói) với diện tích 11m².

- Tại phần diện tích chưa có sổ thừa có tọa độ trung tâm 588473-1295723 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P (chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Hiện trạng Công ty P đã xây dựng công trình nhà sàn (kết cấu: móng đá chẻ, trụ gỗ, sàn gỗ, mái lợp tranh) với diện tích 112m².

- Tại phần diện tích chưa có sổ thừa có tọa độ trung tâm 588440-1295689 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P (chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17-6-2019 thì vị trí đất trên được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm. Hiện trạng Công ty P đã xây dựng công trình nhà gỗ (kết cấu: móng bê tông xi măng, trụ gỗ, vách gỗ, mái lợp tôn) với diện tích 104m².

Hành vi sử dụng đất trên của Công ty P là vi phạm vào khoản 2, Điều 11, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

c. Diện tích đất 290m² thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước P'ró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Công ty P chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà đã làm lều, quán, tường; xây dựng công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể: Làm sàn gỗ có diện tích 258m² (tọa độ trung tâm: 587884-129473587); lều, khung sắt có diện tích 16m² (tọa độ trung tâm: 587950-1294595); 04 móng bê tông (vị trí tọa độ: 587878-1294523; 587873-1294595; 587874-1294587; 587912-1294602); xây dựng cầu phao chắn ngang suối dẫn nước vào thượng lưu hồ chứa nước Pró có diện tích 16m² (vị trí tọa độ: 588446-1295758). Diện tích đất trên nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng (là đơn vị được UBND tỉnh Lâm Đồng giao quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi hồ chứa nước Pró tại Quyết định 618/QĐ-UBND ngày 30-3-2017 về quy định phân cấp, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng) tiến hành cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập và hành lang bảo vệ hồ chứa nước Pró theo phương án mà Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt tại Quyết định số 581/QĐ-STNMT ngày 21-12-2017 về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật- Dự toán cắm mốc chỉ giới đập và mốc hành lang bảo vệ hồ chứa nước Pró. Hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cũng được UBND tỉnh Lâm Đồng đưa vào danh mục hồ thủy lợi phải lập hành lang bảo vệ tại Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 về phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Hành vi trên của Công ty P là vi phạm vào điểm a, khoản 1, Điều 24,

Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06-01-2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

d. Diện tích đất 48m² thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Công ty P chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà đã đào, đắp, ao hồ trong phạm vi công trình thủy lợi với diện tích 48m² (vị trí tọa độ: 588459-1295659; 588435-1295661; 588396-1295668) thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất trên nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng (là đơn vị được UBND tỉnh Lâm Đồng giao quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi hồ chứa nước Pró tại Quyết định 618/QĐ-UBND ngày 30-3-2017 về quy định phân cấp, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm đồng) tiến hành cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập và hành lang bảo vệ hồ chứa nước Pró theo phương án mà Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt tại Quyết định số 581/QĐ-STNMT ngày 21-12-2017. Hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cũng được UBND tỉnh Lâm Đồng đưa vào danh mục hồ thủy lợi phải lập hành lang bảo vệ tại Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 về phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Hành vi trên của Công ty P là vi phạm vào điểm đ khoản 1, Điều 24, Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06-01-2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

2. Trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện.

a. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty P:

Căn cứ khoản 29, Điều 1, Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; căn cứ Điều 12, Nghị định số 188/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty P là đúng thẩm quyền.

b. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P:

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 6, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020); căn cứ khoản 1, Điều 4, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 06-01-2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 5, Nghị định số 03/2022-NĐ-CP ngày 06-01-2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều thì việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P là đúng quy định.

c. Thẩm quyền xử phạt đối với Công ty P.

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 38, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020); căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 38, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 06-01-2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 38, Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06-01-2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều thì việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P là đúng thẩm quyền.

d. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế.

Căn cứ Điều 86, Điều 87 và Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, căn cứ mục a, điểm 1, khoản 44, Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành các quyết định cưỡng chế hành chính đối với Công ty P là đúng thẩm quyền.

Từ những căn cứ nêu trên Chủ tịch UBND huyện Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày:*

Ngày 10-12-1999, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4038/QĐ-UB về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp và phân loại rừng theo chức năng của Lâm trường Đ, giao cho Lâm trường Đ quản lý 19.663ha đất lâm nghiệp gồm 24 tiểu khu trên địa bàn các xã: X, Ka Đô, Pró, Ka Đơn, Tu Tra, thị trấn D'ran. Trong đó, xã P gồm các tiểu khu 333A, 333B, 335, 336, 337 với tổng diện tích 4.618 ha.

- Ngày 17-3-2000, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 804176 cho Lâm trường Đ tại các tiểu khu 333A, 333B, 335, 336, 337, xã P, huyện Đ với tổng diện tích 46.180.000m² (đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất).

- Ngày 22-8-2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Lâm trường Đ thành Công ty Lâm Nghiệp Đ.

- Ngày 30-6-2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1404/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Đ thành Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Đ. Ngày 09-10-2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2016/QĐ- UBND về việc phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016- 2025, định hướng đến 2030. Tại Điều 2 quyết định, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị quản lý rừng rà soát, điều chỉnh ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp để giao cho từng đơn vị quản lý rừng theo quy hoạch điều chỉnh 03 loại rừng đã được phê duyệt trình UBND tỉnh quyết định.

- Thực hiện nội dung trên, đến ngày 27-3-2019, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Tờ trình số 52/TTr-SNN về việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đ quản lý.

- Đến ngày 05-4-2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đ quản lý. Theo quyết định nói trên: tổng diện tích giao quản lý là 21.938,3 ha gồm 28 tiểu khu và 02 vùng ngoài tiểu khu thuộc địa giới hành chính 06 xã/thị trấn trên địa bàn huyện Đ, trong đó, xã P gồm các tiểu khu: 330, 334, 335, 336, 337, 333A, 333B. Tại Điều 2 quyết định, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với diện tích đất, rừng giao cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 05-4-2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành cấp đổi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Lâm Trường Đ trước đây, nay là Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đ. Ngày 06-3-2020, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 169459 cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đ tại các tiểu khu 330, 334, 335, 336, 337, 333A, 333B, xã P, huyện Đ với diện tích 6.655,9 ha. Như vậy, diện tích đất lâm nghiệp tại xã P, huyện Đ đã được UBND tỉnh giao cho Lâm Trường Đ quản lý theo Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 10-12-1998 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 804176 ngày 17-3-2000. Sau khi kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016- 2025, định hướng đến 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, điều chỉnh ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp để giao cho từng đơn vị quản lý rừng.

Ngày 05-4-2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phạm vi, ranh giới diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đ quản lý.

Trên cơ sở ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp đã được điều chỉnh tại quyết định nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 169459 cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đ.

Việc ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 05-4-2019 và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 169459 ngày 06-3-2020 cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đ đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng trình bày:*

Thông tin chung hồ chứa nước Pró, xã P, huyện Đ được đầu tư xây dựng và bàn giao đưa vào sử dụng năm 1986 và được sửa chữa, nâng cấp năm 2004. Hồ P là hồ chứa lớn, có dung tích 3,22 triệu m³, có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 515 ha đất canh tác kết hợp nuôi thủy sản, cải tạo môi trường. Hồ P được UBND tỉnh phân cấp và giao cho Trung tâm Quản lý đầu tư và Khai thác thủy lợi Lâm Đồng quản lý, khai thác và vận hành theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND

ngày 18-5-2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Năm 2017, Trung tâm Quản lý đầu tư và Khai thác thủy lợi Lâm Đồng đã lập hồ sơ cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập và hành lang bảo vệ hồ chứa nước Pró, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 581/QĐ-STNMT ngày 21-12-2017 và đã tổ chức cắm 69 mốc chỉ giới ngoài thực địa, bàn giao mốc thực địa và bàn giao bản đồ ranh giới vị trí cấm mốc cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, UBND xã P.

Đối với hành vi “Làm lều, quán, tường; xây dựng công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với tổng diện tích 290m² thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-UBND ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt hành vi làm sàn gỗ (có diện tích 258m²); lều, khung sàn sắt (có diện tích 16m²); 04 móng bê tông; xây dựng cầu phao chắn ngang suối dẫn nước vào thượng lưu hồ chứa nước Pró (có diện tích 16m²) trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi Pró căn cứ theo quy định tại Điều 24, Nghị định 03/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều là phù hợp. Mức phạt tiền đối với hành vi “làm lều, quán, tường; xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi” là từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (khoản 3, Điều 6, Nghị định 03/2022/NĐ-CP).

Do đó, Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt hành chính với mức phạt 400.000 đồng là phù hợp (bằng $(100.000 + 300.000)/2 \times 2$). Biện pháp khắc phục hậu quả là buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 24, Nghị định 03/2022/NĐ-CP.

Đối với hành vi “Đào, đắp, ao hồ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với diện tích 48m² (vị trí tọa độ: 588459-1295659; 588435-1295661; 588396-1295668) thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (công trình được xây dựng vào năm 2022)” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-UBND ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt hành vi đắp 03 bờ ngăn dòng suối chảy vào hồ chứa nước Pró (có diện tích 48m²) căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 24, Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06-01-2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều là phù hợp.

Mức phạt tiền đối với hành vi “Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi” là từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân (khoản 3, Điều 6, Nghị định 03/2022/NĐ-CP). Do đó, Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt hành chính với mức phạt 15.000.000 đồng là phù hợp (bằng $(5.000.000 + 10.000.000)/2 \times 2$). Biện pháp khắc phục hậu quả là

buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 24, Nghị định 03/2022/NĐ-CP.

** Người đại diện của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân T6 trình bày:*

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DA 844820 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 31-12-2020, thửa đất số 142, tờ bản đồ số 339b. Trên thửa đất này đã có các công trình hiện hữu trên đất gồm: 01 ngôi nhà tạm cấp 4 dùng để chứa nông cụ, dụng cụ làm vườn, tránh sét khi trời mưa bão (diện tích khoảng 100 m²), 01 nhà kính trồng nông nghiệp (diện tích khoảng 1.500m²), 02 nhà tạm làm kho chứa vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sản xuất nông nghiệp (diện tích khoảng 120m²), 01 dãy chuồng bò (diện tích khoảng 200m²).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BK 045205 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07-05-2012, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 339b. Trên thửa đất này đã có các công trình hiện hữu trên đất gồm: 01 ngôi nhà tạm cấp 4 dùng để chứa nông cụ, dụng cụ làm vườn, tránh sét khi trời mưa bão (diện tích khoảng 50m²), 01 nhà tạm làm kho chứa vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sản xuất nông nghiệp (diện tích khoảng 30m²).

Năm 2019, bà Thanh đã cho Công ty P thuê 02 thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất nêu trên. Sau khi bà Thanh hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản sang tên bà trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà và Công ty P có ký lại Hợp đồng thuê theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

+ Hợp đồng thuê đất ngày 16-01-2020, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 339b.

+ Hợp đồng thuê đất ngày 28-05-2021, thửa đất số 142, tờ bản đồ số 339b.

Bà xác nhận, các tài sản gắn liền với đất nêu trên khi bà nhận chuyển nhượng là những công trình hiện hữu trên đất, bà không xây dựng mới các công trình này và Công ty P cũng không xây dựng các công trình này, các công trình này đều là những công trình tạm phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, tránh sét khi trời mưa bão.

Liên quan đến việc Công ty P khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ yêu cầu hủy các quyết định gồm:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPHC ngày 30-8-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số

1575/QĐ- CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Bà nhận thấy trong các quyết định này không có sơ đồ, bản vẽ thể hiện cụ thể, rõ ràng các công trình bị xử phạt mà chỉ nêu tọa độ, nên người dân như bà không thể biết được. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải xác định lại cụ thể từng công trình bị xử phạt bằng bản đồ, hình vẽ hay thửa đất cụ thể, cung cấp các biên bản xác định hành vi vi phạm hành chính, biên bản cấm mốc ranh lòng hồ P, hành lang bảo vệ hồ P, biên bản cấm mốc rừng phòng hộ để bà mới có thể đối chiếu lại với những công trình hiện hữu đã có, cùng với diện tích đang quản lý, sử dụng trồng trọt khi bà nhận chuyển nhượng để xác định những công trình này có phải là xây dựng mới, vi phạm hành lang lòng hồ P hay đất rừng phòng hộ như trong các quyết định hành chính mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành hay không.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Thùy Trang trình bày ý kiến:*

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Lý do: Những công trình, tài sản gắn liền trên đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà, không phải là của Công ty P, cụ thể:

+ Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 339b, xã P có công trình nhà vệ sinh (kết cấu: nền xi măng, vách gỗ, mái tôn) với diện tích 36m².

+ Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: chòi (kết cấu: khung móng trụ bê tông cốt thép, mái ngói) với diện tích 11m².

+ Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ cấp 4 (kết cấu: móng trụ bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, mái che tiền chế) với diện tích 273m².

+ Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: kho tiền chế (kết cấu: khung thép hình, mái lợp tôn) với diện tích 387m².

Nguồn gốc các tài sản trên do bà nhận chuyển nhượng của người dân cụ thể là ai thì bà sẽ cung cấp tài liệu, chứng minh gửi cho Tòa án sau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy B3 trình bày:*

Trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPHC ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ có nêu những công trình, tài sản gắn liền trên đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông, không phải là của Công ty P, đó là:

- Đào, đắp, ao hồ trong phạm vi công trình thủy lợi với diện tích 48m² (vị trí tọa độ: 588459-1295659; 588435-1295661; 588396-1295668) thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (công trình được xây dựng vào năm

2022). Cụ thể: Đắp 03 bờ ngăn dòng suối chảy vào hồ chứa nước Pró có diện tích 48m² trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Xây dựng cầu phao chắn suối dẫn nước vào thượng lưu hồ chứa nước Pró ngang có diện tích 16m² (vị trí tọa độ: 588446-1295758). Tại phần diện tích chưa có sổ thửa có tọa độ trung tâm 588473-1295723 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà sàn (kết cấu: móng đá chẻ, trụ gỗ, sàn gỗ, mái lợp tranh) với diện tích 112m².

- Tại phần diện tích chưa có sổ thửa có tọa độ trung tâm 588440-1295689 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà gỗ (kết cấu: móng bê tông xi măng, trụ gỗ, vách gỗ, mái lợp tôn) với diện tích 104m².

- Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 1.027m² tại: Vị trí 1: Tọa độ trung tâm 588487-1295727 diện tích 139m²; Vị trí 2: Tọa độ trung tâm 588502 -1295651 diện tích 888m². Một phần trồng cây quýt và một phần trồng cây cà phê trên nương rẫy cũ (cây cao khoảng 2m, đường kính gốc từ 2-8cm).

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 29-11-2022 thì ông mới biết những công trình, tài sản nêu trên của ông lại bị Chủ tịch UBND huyện Đ xử phạt đối với Công ty P.

Ông xác nhận các thửa đất, các tài sản gắn liền trên đất nêu trên là thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông, do ông đang quản lý, sử dụng. Những tài sản này ông thuê lại của bà Nguyễn Thị Xuân T6, ông không cho Công ty P thuê lại những tài sản này. Khi ông thuê thửa đất tại đây thì trên đất đã có sẵn các tài sản này, ông không thực hiện hành vi xây dựng, tạo dựng đối với các tài sản gắn liền trên đất nêu trên.

Việc Chủ tịch UBND huyện Đ xác định các hành vi vi phạm hành chính nêu trên là không đúng pháp luật, cụ thể:

- Đối với hành vi 1: Đào, đắp, ao hồ trong phạm vi công trình thủy lợi với diện tích 48m² (vị trí tọa độ: 588459-1295659; 588435-1295661; 588396-1295668) thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (công trình được xây dựng vào năm 2022). Cụ thể: Đắp 03 bờ ngăn dòng suối chảy vào hồ chứa nước Pró có diện tích 48m² trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Ông không có thực hiện hành vi đào, đắp ao hồ, cũng không đắp 03 bờ ngăn dòng suối như trên, đây cũng không phải 03 bờ ngăn dòng suối chảy vào hồ chứa nước Pró như Chủ tịch UBND huyện Đ khẳng định, mà đây chỉ là các bờ ngăn tích nước để có nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, bờ ngăn này là ngăn tràn, không phải là ngăn không cho nước chảy vào hồ P. Khi ông thuê lại thửa đất trên thì hiện trạng đã có 03 bờ ngăn tràn nêu trên để tích nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhưng bị sạt lở nên không có nước tưới tiêu, nên ông chỉ sửa chữa, gia cố lại cho không bị sạt lở. Hiện nay nước vẫn chảy vào hồ P bình thường, thậm chí còn nhiều hơn do ông có làm một đường ống dẫn nước suối đầu nguồn về chảy trực tiếp vào 03 bờ ngăn tràn trên, nên làm cho lượng nước đổ về hồ P

nhiều hơn so với trước đây. Khi đo đạc các thửa đất, các công trình, tài sản nêu trên thì các ban ngành chức năng của UBND huyện Đ và UBND xã P không có mời ông tham gia đo đạc, cũng không cung cấp các biên bản cắm mốc xác định ranh giới đất lòng hồ, hành lang bảo vệ hồ thủy lợi Pro theo đúng quy định pháp luật, có sự xác nhận của người dân đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp tại đây hàng chục năm qua.

- Đối với hành vi thứ 2: Xây dựng cầu phao chắn ngang suối dẫn nước vào thượng lưu hồ chứa nước Pro có diện tích $16m^2$ (vị trí tọa độ: 588446-1295758). Ông không xây dựng cầu phao này, tại thời điểm Tòa tiến hành xem xét, thẩm định cũng không có cầu phao như Chủ tịch UBND huyện Đ nêu, mà chỉ có 01 bè phao nổi, diện tích chỉ khoảng $4m^2$ dùng dây kéo qua lại, đây là bè phao nổi dân sinh do người dân sinh sống và sản xuất nông nghiệp trong khu vực này tự làm để đi lại và vận chuyển nông sản thu hoạch đem ra ngoài bán. Tại đây, hơn chục năm qua, không có cầu để đi qua lại, chính quyền địa phương cũng không làm cầu cho người dân qua lại, nên bắt buộc người dân sinh sống sản xuất nông nghiệp trong khu vực này phải tự làm bè phao nổi để có thể đi qua lại và vận chuyển nông sản thu hoạch đem ra ngoài bán.

- Đối với hành vi thứ 3: Tại phần diện tích chưa có sổ thửa có tọa độ trung tâm 588473-1295723 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà sàn (kết cấu: móng đá chề, trụ gỗ, sàn gỗ, mái lợp tranh) với diện tích $112m^2$. Ông không có thực hiện hành vi xây dựng nhà sàn nêu trên. Khi ông thuê lại thửa đất trên thì hiện trạng đã có căn nhà sàn như trên để chứa nông cụ, dụng cụ, vật tư sản xuất nông nghiệp, nhưng căn nhà này đã cũ, đã xuống cấp nhiều, bị dột khi trời mưa, nên ông chỉ sửa chữa lại căn nhà sàn nêu trên để không bị dột.

- Đối với Hành vi thứ 4: Tại phần diện tích chưa có sổ thửa có tọa độ trung tâm 588440-1295689 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà gỗ (kết cấu: móng bê tông xi măng, trụ gỗ, vách gỗ, mái lợp tôn) với diện tích $104m^2$. Ông không có hành vi xây dựng nhà gỗ nêu trên. Khi ông thuê lại thửa đất trên thì hiện trạng đã có căn nhà gỗ như trên để người dân tránh trú mưa bão, tránh sét khi trời mưa bão.

- Đối với hành vi thứ 5: Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích $1.027m^2$ tại: Vị trí 1: Tọa độ trung tâm 588487-1295727 diện tích $139m^2$; Vị trí 2: Tọa độ trung tâm 588502-1295651 diện tích $888m^2$. Một phần trồng cây quýt và một phần trồng cây cà phê trên nương rẫy cũ (cây cao khoảng 2m, đường kính gốc từ 2-8cm). Ông không có thực hiện hành vi vi phạm như trên. Khi ông thuê lại thửa đất trên thì hiện trạng đã có trồng cây như bây giờ, ông chỉ tiếp tục canh tác mà không thực hiện hành vi chặt phá 01 cây rừng nào. Đến thời điểm này, ông không có bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm chặt phá rừng hay lấn chiếm đất rừng. Khi đo đạc các thửa đất, các công trình, tài sản nêu trên thì các ban ngành chức năng của UBND huyện Đ và UBND xã P không có mời ông tham gia đo đạc, cũng không cung cấp các biên bản cắm mốc xác định ranh giới đất rừng theo đúng quy định pháp luật, có sự xác nhận của người dân đang sử dụng đất ổn định, không có

tranh chấp tại đây hàng chục năm qua.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ trình bày:*

Hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 1.027m², cụ thể:

Vị trí 1: Tọa độ trung tâm 588487-1295727 diện tích 139m² thuộc khoảnh 8- tiểu khu 333A, nằm ngoài ranh giới quản lý của Công ty được giao theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 05-4-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Diện tích này đã đưa vào quy hoạch lâm nghiệp theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08-3-2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Vị trí 2: Tọa độ trung tâm 588502-1295651 diện tích 888m² thuộc khoảnh 8- tiểu khu 333A, nằm trong ranh giới quản lý của Công ty được giao theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 05-4-2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng (thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số CS 169459 cấp ngày 06-3-2020).

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Công ty P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPVPHC ngày 30-8-2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH P.

+ Hủy Quyết định số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty TNHH P.

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường cho Công ty TNHH P 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Thùy Trang, ông Trần Duy B3 không có ý kiến tranh luận gì.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ không có ý kiến tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, của người bị kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các văn bản pháp luật có liên quan; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Trọng Phú; người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền:

Công ty P cho rằng các quyết định sau đây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 09-9-2022, Công ty P có đơn khởi kiện và ngày 28-9-2022, ngày 10-10-2022 Công ty P có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPVPHC ngày 30-8-2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P.

+ Hủy Quyết định số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P.

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường cho Công ty P 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng Hành chính; xác định đối tượng khởi kiện là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng và còn trong thời hiệu khởi kiện.

Đối với Quyết định số 1269a ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính tuy người khởi kiện không khởi kiện nhưng đây là quyết định có liên quan nên căn cứ Điều 193 Luật tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử cần xem xét để đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án.

[3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện:

Ngày 23-8-2022, ông Nguyễn Hồng Y công chức địa chính xây dựng-nông nghiệp- môi trường xã P lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với công ty TNHH P đối với hành vi:

- **Đối với Hành vi vi phạm hành chính thứ 1:** Làm lều, quán, tường; xây dựng công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với tổng diện tích 290m² thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể: (Bờ trái hồ theo chiều dòng chảy) Làm sàn gỗ có diện tích 258m² (tọa độ trung tâm: 587884-129473587); lều, khung sàn sắt có diện tích 16m² (tọa độ trung tâm: 587950-1294595); 04 mố bê tông (vị trí tọa độ: 587878-1294523; 587873-1294595; 587874-1294587; 587912-1294602); xây dựng cầu phao chắn ngang suối dẫn nước vào thượng lưu hồ chứa nước Pró có diện tích 16m² (vị trí tọa độ: 588446-1295758).

- **Đối với hành vi vi phạm hành chính thứ 2:** Đào, đắp, ao hồ trong phạm vi công trình thủy lợi với diện tích 48m² (vị trí tọa độ: 588459-1295659; 588435-1295661; 588396-1295668) thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (công trình được xây dựng vào năm 2022). Cụ thể: Đắp 03 bờ ngăn dòng suối chảy vào hồ chứa nước Pró có diện tích 48m² trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- **Đối với hành vi vi phạm hành chính thứ 3:** Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn với tổng diện tích 1.547m² thuộc một phần các thửa đất số 142, 24, 25, 26, 30, 03, phần diện tích đất chưa có số thửa trên bản đồ (tọa độ trung tâm 588323-1294505) thuộc tờ bản đồ 339b và phần diện tích chưa có số thửa (tọa độ trung tâm 588473-1295723, 588440-1295689) thuộc tờ bản đồ 316g xã P mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (hành vi vi phạm được thực hiện vào năm 2021 và năm 2022). Cụ thể:

+ Tại một phần thửa đất số 142 và phần diện tích đất chưa có số thửa trên bản đồ (giáp thửa 142 có tọa độ trung tâm 588323-1294505), tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng các công trình gồm quầy bar cafe (kết cấu: nền bê tông xi măng, tường gạch ốp gỗ kết hợp khung thép, tấm Cemboard), nhà gỗ mái lợp tôn, sàn gỗ có tổng diện tích là 475m².

+ Tại một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình nhà vệ sinh (kết cấu: nền xi măng, vách gỗ, mái tôn) với diện tích 36m².

+ Tại một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình lều trại (kết cấu: trụ bê tông cốt thép kết hợp khung sắt, sàn gỗ) với diện tích 15m².

+ Tại một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ cấp 4 (kết cấu: móng trụ bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, mái che tiền chế) với diện tích 83m²; đã dựng trụ bê tông cốt thép và đặt khung sàn sắt hộp với diện tích 67m².

+ Tại một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: chòi (kết cấu: khung móng trụ bê tông cốt thép, mái ngói) với diện tích 11m².

+ Tại một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ cấp 4 (kết cấu: móng trụ bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, mái che tiền chế) với diện tích 273m².

+ Tại một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: kho tiền chế (kết cấu: khung thép hình, mái lợp tôn) với diện tích 387m².

+ Tại phần diện tích chưa có số thửa có tọa độ trung tâm 588473-12957 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà sàn (kết cấu: móng đã ch, trụ gỗ, sàn gỗ, mái lợp tranh) với diện tích 112m².

+ Tại phần diện tích chưa có số thửa có tọa độ trung tâm 588440-1295689 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà gỗ (kết cấu: móng bê tông xi măng, trụ gỗ, vách gỗ, mái lợp tôn) với diện tích 104m².

- **Đối với hành vi thứ 4:** Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 1.027m² (một nghìn không trăm hai mươi bảy mét vuông).

Vị trí 1: Tọa độ trung tâm 588487-1295727 diện tích 139m²

Vị trí 2: Tọa độ trung tâm 588502 -1295651 diện tích 888m²

Cụ thể: Một phần trồng cây quýt và một phần trồng cây cà phê trên nương rẫy cũ (cây cao khoảng 2m, đường kính gốc từ 2-8cm).

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính này Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPVPHC ngày 30-8-2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P.

+ Quyết định số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P.

+ Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Xét Biên bản vi phạm hành chính số 23 do UBND xã P lập ngày 23-8-2022, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Biên bản vi phạm hành chính ghi nhận Công ty P là người đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính nêu trên nhưng không thể hiện cụ thể từng hành vi, từng công trình vi phạm được thực hiện vào thời gian nào để xác định còn hay hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; khi lập biên bản không mời bà Thanh, ông Bình, bà Trang và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ là những người có liên quan chứng kiến, tham gia nên không đảm bảo tính chính xác và khách quan; Công ty P vắng mặt nhưng biên bản vi phạm hành chính không được giao cho Công ty P là vi phạm Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Khoản 29 Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: *“6. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt”*.

Như vậy, trong trường hợp này có thể thấy rằng về trình tự, thủ tục trước khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P mà không tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính để làm căn cứ ra quyết định xử phạt là không đúng và thiếu căn cứ.

[3.2] Về nội dung:

Công ty P cho rằng: Những công trình, tài sản trên đất trong các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện không phải do Công ty P tạo lập lên. Đây là tài sản do công ty thuê lại của bà Nguyễn Thị Xuân T6. Tài liệu chứng minh gồm:

+ Hợp đồng thuê đất lập ngày 05-9-2019 và Hợp đồng thuê ngày 28-5-2021 và phụ lục hợp đồng kèm theo thể hiện nội dung thuê đất và tài sản gồm: 3.400m² thửa 142, tờ bản đồ 339b; 01 căn nhà tạm cấp 4 diện tích khoảng 100m², 01 nhà lưới trồng nông nghiệp diện tích khoảng 1.500m², 02 nhà tạm làm kho chứa vật tư diện tích khoảng 120m², 01 dãy chuồng bò diện tích khoảng 200m².

+ Hợp đồng thuê đất ngày 16-01-2020 và phụ lục hợp đồng thể hiện thuê diện tích đất 8.052m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 045205 của UBND huyện Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân T6 ngày 07-5-2012; tài sản gồm 01 ngôi nhà tạm cấp 4 diện tích khoảng 50m², 01 nhà kho chứa vật tư diện tích khoảng 30m².

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân T6, ông Trần Duy B3, bà Lưu Thị Thuý T7 xác nhận các tài sản, công trình đã nêu trong biên bản vi phạm hành chính không phải do Công ty P thực hiện, tạo lập lên, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T6 trình bày: *“Bà xác nhận, các tài sản gắn liền với đất nêu trên khi bà nhận chuyển nhượng là những công trình hiện hữu trên đất, bà không xây dựng mới các công trình này và Công ty P cũng không xây dựng các công trình này, các công trình này đều là những công trình tạm phục vụ cho*

việc sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, tránh sét khi trời mưa bão”.

+ Bà Lưu Thị Thùy Trang trình bày: “Những công trình, tài sản gắn liền trên đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà không phải là của Công ty P, cụ thể: Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 339b, xã P có công trình nhà vệ sinh (kết cấu: nền xi măng, vách gỗ, mái tôn) với diện tích 36m². Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: chòi (kết cấu: khung móng trụ bê tông cốt thép, mái ngói) với diện tích 11m². Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ cấp 4 (kết cấu: móng trụ bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, mái che tiền chế) với diện tích 273m². Tài sản hiện hữu tại một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 339b, xã P có xây dựng công trình: kho tiền chế (kết cấu: khung thép hình, mái lợp tôn) với diện tích 387m²”.

Ông Trần Duy B3 trình bày: “Trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPHC ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ có nêu những công trình, tài sản gắn liền trên đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông, không phải là của Công ty P, đó là: Đào, đắp, ao hồ trong phạm vi công trình thủy lợi với diện tích 48m² (vị trí tọa độ: 58845-1295659; 588435-1295661; 588396-1295668) thuộc thôn Đông Hồ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (công trình được xây dựng vào năm 2022). Cụ thể: Đắp 03 bờ ngăn dòng suối chảy vào hồ chứa nước Pro có diện tích 48m² trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Xây dựng cầu phao chắn suối dẫn nước vào thượng lưu hồ chứa nước Pro ngang có diện tích 16m² (vị trí tọa độ: 588446-1295758). Tại phần diện tích chưa có sổ thửa có tọa độ trung tâm 588473-1295723 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà sàn (kết cấu: móng đá chẻ, trụ gỗ, sàn gỗ, mái lợp tranh) với diện tích 112m². Tại phần diện tích chưa có sổ thửa có tọa độ trung tâm 588440-1295689 thuộc tờ bản đồ số 316g, xã P đã xây dựng công trình nhà gỗ (kết cấu: móng bê tông xi măng, trụ gỗ, vách gỗ, mái lợp tôn) với diện tích 104m². Chiếm đất nông nghiệp là đất rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 1.027m² tại: Vị trí 1: Tọa độ trung tâm 588487-1295727 diện tích 139m²; Vị trí 2: Tọa độ trung tâm 588502-1295651 diện tích 888m². Một phần trồng cây quýt và một phần trồng cây cà phê trên nương rẫy cũ (cây cao khoảng 2m, đường kính gốc từ 2-8cm). Ông xác nhận diện tích đất, các tài sản gắn liền trên đất nêu trên là thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông, do ông đang quản lý, sử dụng. Những tài sản này ông thuê lại của bà Nguyễn Thị Xuân, ông không cho Công ty P thuê lại những tài sản này. Khi ông thuê đất tại đây thì trên đất đã có sẵn các tài sản này, ông không thực hiện hành vi xây dựng, tạo dựng đối với các tài sản gắn liền trên đất nêu trên”.

Tại bút lục số 125 người bị kiện cung cấp biên bản làm việc xác định thửa đất số 24, tờ bản đồ số 339b đứng tên bà Ma C (đại diện là ông Ya Bré- con ruột) có nội dung: Diện tích 7.933m² đất thuộc thửa 24, tờ bản đồ 339b đứng tên bà Ma C nhưng giấy chứng nhận đã bị thất lạc, gia đình không sử dụng, không bán, không cho thuê nhưng ông Bré trình bày trên đất có nhà vệ sinh gỗ ván và

02 trụ điện do Công ty P xây dựng năm 2022 là có sự mâu thuẫn trong lời trình bày.

Tại biên bản làm việc, xác minh đối với bà Ngô Thị Anh T8 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 236696 và biên bản làm việc với bà Lê Thị Thuý, bà Nguyễn Thị Xuân T6 đều thể hiện Công ty P không có hành vi vi phạm trên các thửa đất 26, 24, 30, tờ bản đồ số 339b, xã P.

Lẽ ra trong trường hợp này, khi thấy biên bản vi phạm hành chính không thể hiện đầy đủ, chính xác các hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt hành chính- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật xử lý vi phạm hành chính để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã không thực hiện theo quy định này nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 23/BB-VPHC ngày 23-8-2022 để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1268/QĐ-XPVPHC ngày 30-8-2022 về xử phạt vi phạm hành chính Công ty P, Quyết định số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P; Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 là không đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện là không đúng trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty P.

[3.3] Lập luận và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3.4] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường cho Công ty P 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Công ty P chưa cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[3.5] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11-10-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng sẽ được quyết định theo Điều 74 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 2.748.000 đồng Công ty P đã nộp đủ. Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận nên người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu chi phí này và phải hoàn trả lại số tiền này cho Công ty P theo quy định tại khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng Hành chính.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận nên người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật. Công ty P được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 2 Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 74; Điều 116; khoản 1 Điều 158; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020;

Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06-01-2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*.

+ Hủy Quyết định số 1268/QĐ-XPVPHC ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về xử phạt vi phạm hành chính đối với công ty TNHH P và Quyết định số 1269a ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

+ Hủy Quyết định số 1269/QĐ-KPHQ ngày 30-8-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty TNHH P.

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1574/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

+ Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 05-10-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường cho Công ty TNHH P 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Chủ tịch UBND huyện Đ phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH P số tiền là 2.748.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng ứng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH P số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 0010980 ngày 07-10-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ;
- Đương sự;
- UBND tỉnh Lâm Đồng
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dư Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Văn

Vũ Thị Thái

Dư Thành Trung